

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO YÊN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày: 09 - 6 - 2020

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hoá*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Hoàng Thị Giang Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Thanh Hải

2. Ông Trần Bá Đường

**- Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Dân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai*** tham gia phiên toà: Ông Phạm Ngọc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST- KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 05/5/2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 25/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH N (Việt Nam)

Địa chỉ: Số X đường Y khu công nghiệp H - phường L, Tp B, Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ee Soon H

Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đoàn Anh V

Địa chỉ: Số 9 ngõ 106 H, quận C, Hà Nội

Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên S

Địa chỉ: Tổ X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hữu D

Chức vụ: Giám đốc

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 26/02/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn Công ty TNHH N (Việt Nam) trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2018 Công ty TNHH N Việt Nam (Công ty N) ký hai hợp đồng bán sản phẩm cho Công ty TNHH Một thành viên S (Công ty S) cụ thể như sau:

+ Ngày 29/6/2015 ký hợp đồng số HN 304/13/HĐKT-NPV. Theo đó hai bên thoả thuận Công ty N bán cho Công ty S sản phẩm là sơn với chủng loại, quy cách, số lượng, giá cả theo từng đơn đặt hàng, thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2015. Phụ lục hợp đồng thoả thuận thời hạn thanh toán là 45 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn, ngoài ra còn một số thoả thuận khác. Quá trình thực hiện hợp đồng 304/13 Công ty N đã giao cho Công ty S hàng hoá đúng chủng loại, số lượng, chất lượng theo từng lần đặt hàng và xuất trả đầy đủ hoá đơn giá trị gia tăng. Công ty S đã thanh toán nhiều lần, còn nợ lại của hai hoá đơn:

Hoá đơn AB/13P - 0018234 ngày 30/10/2015 (trị giá 500.389.756đ, đã thanh toán 229.701.096đ), nợ 270.688.660đ;

Hoá đơn AB/13P - 0018235 ngày 30/10/2015 nợ 106.210.247đ.

+ Ngày 04/01/2016 ký hợp đồng số HN 128/16/HĐKT-NPV và phụ lục hợp đồng với thoả thuận tương tự hợp đồng đã ký năm 2015. Thời hạn hợp đồng là 05 năm từ ngày 04/01/2016 đến 31/12/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng này Công ty S còn nợ lại hoá đơn số AB/15P - 00013413 ngày 06/3/2017 là: 48.829.001đ.

Tháng 6/2018 hai bên dừng không thực hiện hợp đồng và lập biên bản chốt công nợ, Công ty S xác nhận còn nợ số tiền là: 425.727.908đ của ba hoá đơn nêu trên. Công ty N đã gửi thông báo đòi nợ nhiều lần, ngày 17/9/2018 Công ty N gửi thông báo đòi nợ lần cuối nhưng Công ty S vẫn không trả được nợ. Vì vậy đến nay Công ty N đề nghị Toà án giải quyết buộc Công ty S phải trả số tiền còn nợ của hai hợp đồng là: 425.727.908đ và tiền lãi của số tiền chậm trả với mức lãi suất 9%/năm tính từ ngày quá hạn đến tháng 8/2018 như sau:

Lãi của số tiền 270.688.660đ từ ngày 14/12/2015 đến 14/8/2018:  $270.688.660đ \times 9\%/năm \times 32 \text{ tháng} = 64.965.278đ$ . (Hoá đơn AB/13P - 0018234 ngày 30/10/2015 đến tháng 01/2018 mới thanh toán được tổng cộng 229.701.096đ, còn nợ lại 270.688.660đ. Tuy nhiên nguyên đơn vẫn yêu cầu tính lãi số tiền 270.688.660đ từ ngày 14/12/2015)

Lãi của số tiền 106.210.247đ từ ngày 14/12/2015 đến 14/8/2018:  $106.210.247đ \times 9\%/năm \times 32 \text{ tháng} = 25.490.459đ$

Lãi của số tiền 48.829.001đ từ ngày 20/4/2017 đến 20/8/2018:  $48.829.001đ \times 9\%/năm \times 16 \text{ tháng} = 5.859.480đ$

Tổng tiền lãi là: 96.315.217đ

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 522.043.125đ.

Đối với bị đơn, theo công văn số 459/SKH-ĐKKD ngày 17/3/2020 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lào Cai thì Công ty S đang ở trạng thái bị khoá, người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Hữu D vắng mặt tại địa phương không rõ thời điểm trở về. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Phạm Hữu D không có mặt theo triệu tập và không có văn bản trả lời ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại; Khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty S phải thanh toán cho Công ty N số tiền mua hàng còn nợ là 425.727.908đ và tiền lãi là 96.315.217đ, tổng cộng là: 522.043.125đ. Về án phí, Công ty N không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty S phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Công ty TNHH N (Việt Nam) khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá với Công ty TNHH Một thành viên S, có trụ sở tại Tổ 3A (tổ 3C cũ), thị trấn P, huyện B. Theo công văn số 459/SKH-ĐKKD ngày 17/3/2020 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lào Cai thì Công ty S chưa có quyết định thu hồi doanh nghiệp và chưa thay đổi địa chỉ trụ sở so với đăng ký kinh doanh lần đầu. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Phạm Hữu D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền còn nợ là 425.727.908đ:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử khẳng định việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá số HN 304/13/HĐKT-NPV ngày 29/6/2015 và số HN 128/16/HĐKT-NPV ngày 04/01/2016 giữa Công ty N và Công ty S là hoàn toàn hợp pháp. Quá trình thực hiện hai hợp đồng, hai bên giao nhận hàng có đầy đủ biên bản và hoá đơn giá trị gia tăng, Công ty S không có khiếu nại gì về chất lượng, số lượng, giá cả hàng hoá. Tuy nhiên Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tại bảng xác nhận công nợ tháng 6/2018 Công ty S đã xác nhận còn nợ số tiền: 425.727.908đ của ba hoá đơn:

Số AB/13P - 0018234 ngày 30/10/2015 là 270.688.660đ

Số AB/13P - 0018235 ngày 30/10/2015 là 106.210.247đ

Số AB/15P - 00013413 ngày 06/3/2017 là: 48.829.001đ.

Do đó yêu cầu khởi kiện của Công ty N là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật thương mại. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Nippon, buộc công ty S phải thanh toán cho Công ty N tiền mua hàng còn nợ là 425.727.908đ.

[3]. Về tiền lãi do chậm thanh toán

Căn cứ công văn số 282/NHNo-KTKS ngày 20/3/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Lào Cai; Công văn số 178/TB-CNLCI-KHDN ngày 20/3/2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Lào Cai; Công văn số 148/VCB-LCA ngày 21/3/2020 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Lào Cai, thì mức lãi suất trung bình của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Lào Cai tại thời điểm xét xử là: 10,33%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi trong hạn. Quá trình giải quyết vụ án Công ty N yêu cầu Công ty S phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất là 9%/năm và chỉ yêu cầu tính lãi đến tháng 8/2018. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại và cách tính lãi của nguyên đơn là chính xác nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc Công ty S phải trả cho Công ty N tiền lãi là: 96.315.217đ.

[4]. Về án phí: Công ty N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty S phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại

Căn cứ Khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N (Việt Nam)

Buộc Công ty TNHH Một thành viên S phải thanh toán cho Công ty TNHH N (Việt Nam) số tiền còn nợ là 425.727.908đ và tiền lãi là 96.315.217đ, tổng cộng là: 522.043.125đ.

Kể từ ngày Công ty TNHH N (Việt Nam) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Một thành viên S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Công ty TNHH Một thành viên S phải chịu 24.881.700đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH N (Việt Nam) không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

12.608.200đ Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0001741 ngày 26/02/2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký**

**Hoàng Thị Giang Thanh**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Hoàng Thị Giang Thanh**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên;
- UBND xã Tân Dương;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Giang Thanh**